

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05/8/2021

Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền, bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2021/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Nhật A, sinh năm 1982.

HKTT: Khu T, xó N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ hiện nay: Số nhà 3/1 đường T, khu T, thành phố Đà Trung, Đà Loan.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989

HKTT: Khu T, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ hiện nay: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Anh A, chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 07/6/2021 *nguyên đơn là Anh Đinh Nhật A trình bày:*

Anh và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/9/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 4 năm thì anh A đi lao động tại Đà Loan. Ra nước ngoài lao động được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu quan điểm và phát sinh mâu thuẫn. Thời gian đầu vợ chồng chỉ lời qua tiếng lại rồi giận nhau không liên lạc với nhau, đến năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do bắt đầu quan điểm sống và do kinh tế gặp nhiều khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, ảnh hưởng xấu tới việc nuôi dạy con cái. Đến tháng 12/2020 anh và chị T không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh thấy cuộc sống hôn nhân quá ngột ngạt, không thể hàn gắn được nên anh xin ly hôn và chị T đã nhất trí. Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có 2 con chung là Đình Minh Q, sinh năm 2012 và Đình Diệu N, sinh năm 2018. Cả hai con đang ở với chị T tại tỉnh Thái Bình. Hai con đều có sức khỏe tốt và đang theo học tại địa phương. Anh đề nghị giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung, anh đóng góp nuôi con hàng tháng mỗi con 2.500.000 đồng và chị T đã nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Anh A trình bày quá trình chung sống và mâu thuẫn phát sinh như trên là đúng sự thật. Nay anh A xin ly hôn, chị nhất trí.

Về con chung: Chị và anh A có 2 con chung là Đình Minh Q, sinh năm 2012 và Đình Diệu N, sinh năm 2018, chị đang nuôi dưỡng. Anh A đề nghị giao 2 con cho chị trực tiếp nuôi dạy, anh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con 2.500.000 đồng, chị nhất trí.

Về tài sản chung: Chị nhất trí như anh A trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Phú Thọ nhưng hiện tại chị T có đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình, anh A đang sinh sống tại Đài Loan. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của anh A là đúng thẩm quyền. Anh A và chị T đều có bản tự khai trình bày quan điểm và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án không phải tiến hành lấy lời khai của các đương sự và không phải ủy thác thu thập chứng cứ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình không phải tham gia phiên tòa sơ thẩm, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 21, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị T kết hôn có đăng ký là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được 4 năm thì anh A đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình khó khăn. Vợ chồng không ở gần nhau, tình cảm lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng tăng, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng lại sống xa cách nhau nên cơ hội hàn gắn là rất khó khăn, cả hai bên đều thừa nhận không thể đoàn tụ được và cùng nhất trí ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh A và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận cho anh A được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh A và chị T có 2 con chung là Đinh Minh Q, sinh ngày 29/5/2012 và Đinh Diệu N, sinh ngày 09/8/2018. Chị T đang nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường, anh A lại đang ở nước ngoài do vậy cần chấp nhận giao 2 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dạy. Anh A cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.500.000đ/con là phù hợp thực tế, cần được chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình ; Căn cứ vào Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Đinh Nhật A được ly hôn chị Trần Thị T.

[2] Về con chung: Xử giao 2 con chung là Đinh Minh Q, sinh ngày 29/5/2012 và Đinh Diệu N, sinh ngày 09/8/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con chung 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng)/1 tháng/1 con từ tháng 8/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh A, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ số tiền 300.000 đồng anh A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 005074 ngày 18/6/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, anh A còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Toàn Nghĩa